

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ THÀNH HƯNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ THÀNH HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH HUNG INVESTMENT DEVELOPMENT AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109157104

3. Ngày thành lập: 14/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15 ngách 10, Ngõ 420, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax: 02439 102 102

Email:

Website: Bkh.edu.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: - Kiểm tra hoặc kiểm tra di động của hệ thống đèn điện tử bảo đảm an toàn, như đèn báo trộm hoặc đèn cứu hỏa, bao gồm cả việc bảo dưỡng; - Lắp đặt, sửa chữa, tái tạo và điều chỉnh phần máy móc hoặc bộ phận khóa điện, vòm an toàn và bảo vệ. Cũng có thể gồm cả bán hệ thống bảo vệ an toàn, phần máy móc hoặc bộ phận khóa điện, vòm an toàn và bảo vệ.	8020
2.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
3.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
4.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
7.	Đào tạo trung cấp	8532
8.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
9.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

10.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng	8559
11.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
12.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: -Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở	9319
13.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
14.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
15.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
16.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình; - Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh; - Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: máy cân, máy kiểm tra huyết áp,..	9639
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	In ấn	1811
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
20.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
21.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
22.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
23.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
24.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
25.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
27.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
30.	Đúc sắt, thép	2431
31.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432

32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
33.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương)	2599
38.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
39.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
40.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
43.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
45.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
49.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
50.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

51.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga.	3290
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, thay thế thiết bị của hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, chống sét, camere giám sát, súc nạp bình chữa cháy (Luật số 40/2013/QH13- Sửa đổi bổ sung một số điều của luật Phòng cháy chữa cháy)	3319
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4229
62.	Xây dựng công trình thủy	4291
63.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
64.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
65.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
66.	Phá dỡ	4311
67.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự trong ngành nghề này)	4312

68.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: + Chuông báo cháy, + Hệ thống báo động chống trộm, + Tín hiệu điện và đèn trên đường phố + Dây dẫn và thiết bị điện, + Đường dây thông tin liên lạc, + Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, + Đèn vệ tinh, + Hệ thống chiếu sáng,	4321
69.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
70.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyên gia công nghệ phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; - Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy. (Khoản 6 Điều 1 – Luật số 40/2013/QH13- Sửa đổi bổ sung một số điều của luật Phòng cháy chữa cháy)	4329
71.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
72.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
73.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
74.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
75.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
76.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
78.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
79.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

80.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
81.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại Nhà nước cấm)	4632
82.	Bán buôn đồ uống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4633
83.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
86.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
87.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
88.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;	4669
89.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà Nước cấm)	4690
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

91.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: -Bán lẻ trong siêu thị (supermarket) -Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (minimarket)	4719
92.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
93.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
94.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
95.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
96.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
97.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
98.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
99.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
102.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Trừ súng đạn, tem, và tiền kim khí; trừ hoạt động của đấu giá viên)	4781
103.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
104.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
105.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
106.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
107.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
108.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

109.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch và mục đích khác;	4932(Chính)
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
112.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
113.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
114.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
115.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
116.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: - Quán cà phê, giải khát; - Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
117.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (loại trừ hoạt động ủy thác về đầu tư, kinh doanh tài chính, chứng khoán)	6619
118.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
119.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020

120.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. ; (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Kiểm định xây dựng; (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;- Đo bóc khối lượng;- Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;- Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;- Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng); - Quản lý dự án (Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng);	7110
121.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
122.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

123.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
124.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
125.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
126.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
127.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
128.	Cho thuê xe có động cơ	7710
129.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
130.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình), cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí); - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình	7729
131.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;	7730
132.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm dịch vụ giới thiệu, tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động; Không bao gồm cho thuê lại lao động; Trừ hoạt động của các trung tâm)	7810
133.	Đại lý du lịch	7911
134.	Điều hành tua du lịch	7912
135.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

136.	Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ thực hiện khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
------	--	--

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH VĂN ĐÔ	Xóm 9, Xã Giao Thịnh, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	60,000	036093009690	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	60,000		

2	TRẦN QUANG TUẤN	TTNT Liên Sơn, Xã Nghĩa Lộ, Thị xã Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	10,000	060939814	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	10,000		
3	ĐINH QUANG LINH	Xóm 9, Xã Giao Thịnh, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	30,000	036098003221	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH VĂN ĐỒ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/01/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036093009690

Ngày cấp: 05/03/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 9, Xã Giao Thịnh, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 9, Xã Giao Thịnh, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội